

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 10/10/2018.

V.v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đỗ Trọng Tuấn**;

2/ Ông **Huỳnh Văn Nhân**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C tham gia phiên tòa:
Bà **Tô Nguyễn Mộng Lành** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1978. (*Có mặt*).

Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

BI ĐƠN: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian chung sống hạnh phúc và có một con chung tên Phạm Văn T (nam) sinh ngày 28/02/2012. Thời gian sau đó, cuộc sống hôn nhân giữa ông bà thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không đồng thuận trong cách giải quyết các vấn đề gia đình dẫn đến vợ chồng thường cự cãi và tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Bà L đã dẫn con bỏ nhà đi từ năm 2015 đến nay, dù ông L tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì. Nay ông L yêu cầu được ly hôn với bà L vì đã không còn tình cảm.

Về con chung: ông đồng ý giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L bỏ đi từ năm 2015, nơi cư trú cuối cùng của bà L tại địa chỉ khu vực B, phường L, quận B, thành phố C (Tòa án đã tuyên bà L mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người

mất tích số 01/2018/QĐVDS-ST ngày 30/03/2018 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố C) vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu. Bị đơn bà L vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét quan hệ pháp luật đây là vụ án xin ly hôn, đương sự có đăng ký kết hôn hợp pháp được pháp luật công nhận và điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông L, bà L đã có thời gian chung sống vợ chồng, giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn kéo dài. Nay vợ chồng đã sống L thân, ông L khởi kiện xin ly hôn với bà L. Phía bị đơn hiện đã bỏ địa phương đi từ năm 2015, không tin tức liên lạc và đã bị tuyên bố mất tích. Do đó, căn cứ vào quy định của pháp luật Tòa án tiến hành niêm yết thông báo xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Hôn nhân bền vững và hạnh phúc phải có sự yêu thương, quan tâm của đôi bên vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông L vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn vì không còn tình cảm với bà L, về phía bà L đã bỏ đi không quan tâm gì đến ông L, đồng thời Tòa án đã có quyết định giải quyết tuyên bố bà L mất tích. Cuộc hôn nhân của ông bà không đạt được mục đích hạnh phúc, vì vậy việc xin ly hôn của ông L là có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Con chung tên Phạm Văn T(nam) sinh ngày 28/02/2012, tại biên bản xác minh ở địa phương ngày 18/9/2018 thể hiện bà L đã dẫn cháu T bỏ địa phương từ năm 2015 nên việc giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 51,56, 69 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

-Về con chung: Giao con chung tên Phạm Văn T (nam) sinh ngày 28/02/2012 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Không buộc ông L cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông L.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn ông L phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009099 ngày 04/5/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự quận B thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương bị đơn được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Bình Thủy;
- CQ THADS Q. Bình Thủy;
- TAND TPCT;
- UBND P.02, Q. Tân Bình; TP. HCM;
- Lưu (Hs, Vp, Ltda).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ánh